

PHILIPS

Màn hình 4K UHD Mini-
LED Thunderbolt™ 4

Professional Monitor

Brilliance 7000

27" (68,6 cm)

3840 x 2160 (4K UHD)

27B1U7903



Rực rỡ theo cách đơn giản

Đèn LED mini với cổng kết nối Thunderbolt

Màn hình Philips Thunderbolt™ 4 mang đến giải pháp kết nối một dây cáp an toàn, đáng tin cậy. Đèn nền LED mini và màn hình được chứng nhận DisplayHDR™ 1400 tạo ra hiệu suất hình ảnh vượt trội và độ chính xác của màu sắc dành cho những người dùng chú trọng đến màu sắc.

Cổng Thunderbolt™ 4 cho tính linh hoạt và hiệu suất

- Kết nối daisy chain đơn giản và mạnh mẽ để thiết lập nhiều màn hình
- Kết nối nhanh cho dữ liệu, video và Ethernet
- Cung cấp công suất lên tới 90W cho các thiết bị trên một cổng duy nhất

Màu sắc sống động, độ sâu đáng kinh ngạc, chi tiết rõ nét

- DisplayHDR™ 1400 mang lại màu sắc và độ tương phản ấn tượng
- Công nghệ IPS cho hình ảnh màu sắc đầy đủ và góc nhìn rộng
- Đèn nền LED mini với 2304 vùng mờ cục bộ
- Độ phân giải UltraClear 4K UHD (3840x2160) cho độ chính xác cao
- Công nghệ Quantum Dot cho màu sắc "thấy là tin"

Được thiết kế theo cách thức làm việc của bạn

- MultiView cho phép hai chế độ kết nối và xem hoạt động cùng lúc
- Hideaway PowerSensor tiết kiệm tới 80% chi phí năng lượng
- Các tùy chọn chế độ không gian màu để phù hợp với nhu cầu và công việc của bạn

Professional Monitor

Màn hình 4K UHD Mini-LED Thunderbolt™ 4

27B1U7903/74

Những nét chính

Màn hình Thunderbolt™ 4



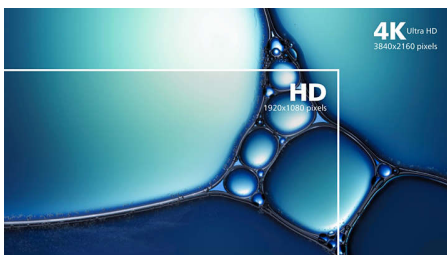
Màn hình Philips có dock cắm được trang bị kết nối Thunderbolt™ 4. So với màn hình USB-C thông thường, công nghệ Thunderbolt™ 4 cung cấp tốc độ truyền dữ liệu 40Gbps nhanh như chớp, hỗ trợ video độ phân giải cao, truyền tải đa luồng để kết nối daisy chain, chuẩn sạc Power Delivery lên tới 90W cho các thiết bị bên ngoài và có thể cung cấp một kết nối Ethernet 1Gbit/s ổn định.

Thiết lập kết nối daisy chain Thunderbolt



Kết nối daisy chain cho phép bạn điều khiển nhiều màn hình và thiết bị từ một cổng Thunderbolt duy nhất trên máy tính xách tay của bạn. Từ cổng Thunderbolt trên máy tính xách tay của bạn kết nối với màn hình này, sau đó từ cổng Thunderbolt thứ hai trên màn hình này, bạn có thể kết nối với màn hình 4K thứ hai.

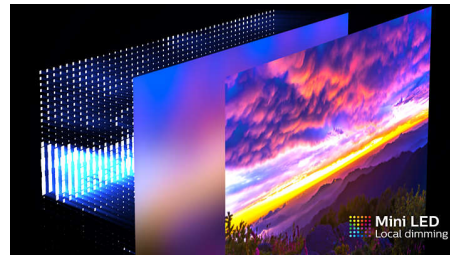
Độ phân giải UltraClear 4K UHD



Màn hình của Philips sử dụng các bảng hiển thị hiệu suất cao để cung cấp hình ảnh có độ phân giải UltraClear, 4K UHD (3840 x 2160). Cho dù

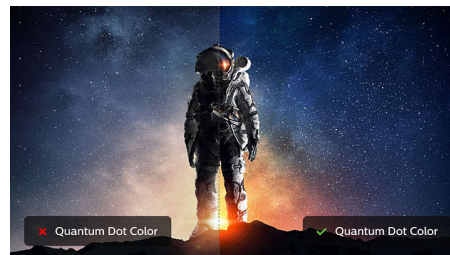
bạn đang cần hình ảnh cực kỳ chi tiết theo yêu cầu chuyên nghiệp cho các giải pháp CAD, sử dụng ứng dụng đồ họa 3D hoặc một tiện ích tài chính hoạt động trên những bảng tính lớn, màn hình Philips sẽ khiến cho hình ảnh và đồ họa của bạn thật sống động.

Đèn nền LED mini



Đèn nền LED mini cải thiện khả năng kiểm soát ánh sáng và tỷ lệ tương phản. Kích thước nhỏ của các đèn LED mini tạo thành đèn nền cho phép tạo ra 2304 vùng được điều khiển riêng biệt mang lại màu đen sâu hơn và màu trắng sáng hơn. Giờ đây, bạn có thể xem nội dung HDR phong phú với độ tương phản ấn tượng và khả năng tái tạo chính xác.

Công nghệ Quantum Dot



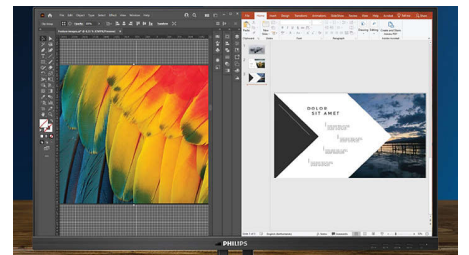
Công nghệ chấm lượng tử Quantum Dot là công nghệ sử dụng tinh thể nano bán dẫn tiên tiến, chiếu ra ánh sáng một cách chính xác giúp hiển thị các màu sắc như xanh dương, xanh lá cây và đỏ trở nên rõ ràng và trung thực hơn. Màn hình LCD có trang bị công nghệ Quantum Dot sẽ tạo ra dải màu rộng và tự nhiên hơn trên hình ảnh. Rực rỡ, tươi sáng, trung thực, bạn "thấy là tin" ngay.

Được chứng nhận DisplayHDR™ 1400



Màn hình Philips này được chứng nhận ở mức chứng nhận VESA DisplayHDR™ 1400 mới được công bố. Với độ sáng tối đa lên tới 1400 nit, dải tương phản tăng và gam màu rộng hơn, màn hình này mang đến những chi tiết mà bạn chưa từng trải nghiệm trước đây với màu sắc rực rỡ, màu đen sâu hơn và màu trắng sáng hơn với các hiệu ứng siêu thực. Màn hình Philips này có một số chế độ HDR, mỗi chế độ được tối ưu hóa cho sở thích xem của bạn: HDR Premium, HDR Effect, HDR Warm, HDR Basic và mức chứng nhận VESA DisplayHDR.

Công nghệ MultiView



Với màn hình Philips MultiView có độ phân giải cực cao, giờ đây bạn có thể trải nghiệm toàn bộ thế giới kết nối. MultiView cho phép thực hiện hai nguồn kết nối và xem hoạt động sao cho bạn có thể cùng lúc làm việc trên nhiều thiết bị khác nhau, ví dụ như máy tính và notebook.



Những nét chính

Nhiều chế độ không gian màu

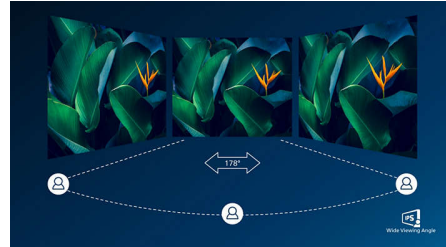
Màn hình Phillips này cung cấp màu sắc theo mô hình màu RGB với các chế độ không gian màu sau đây. Chọn chế độ không gian màu thích hợp để hiển thị chính xác nội dung bạn đang xem: sRGB: Hầu hết các ứng dụng và trò chơi máy tính cá nhân, internet và thiết kế web. Adobe RGB: Ứng dụng đồ họa. NTSC: Video analog. Rec. 709: Video HD. Rec. 2020: Video UHD. DCI-P3: Máy chiếu phim kỹ thuật số, một số bộ phim và trò chơi cũng như các sản phẩm của Apple. Nhiếp ảnh. Chế độ D: Chế độ DICOM, nâng cao hiệu suất ở mức thang độ xám.

Hideaway PowerSensor

PowerSensor là 'cảm biến con người' tích hợp, truyền và nhận tín hiệu hồng ngoại vô hại để xác định xem người dùng có mặt hay không, sau đó

tự động giảm độ sáng màn hình khi người dùng rời khỏi bàn làm việc, cắt giảm chi phí năng lượng tới 80% và kéo dài thời gian sử dụng. Hideaway PowerSensor mới có thể được gấp lại để thiết lập nhiều màn hình.

Công nghệ IPS



Màn hình IPS sử dụng công nghệ tiên tiến cho bạn góc nhìn cực rộng 178/178 độ, cho phép xem màn hình từ gần như bất kỳ góc nào - ngay

cả khi ở chế độ trực 90 độ! Không như bảng TN chuẩn, màn hình IPS cho bạn hình ảnh sinh động cao với màu sắc sống động, giúp cho màn hình không chỉ lý tưởng cho các ứng dụng xem ảnh, video và duyệt web, mà cho cả các ứng dụng chuyên nghiệp yêu cầu luôn có độ chính xác màu và độ sáng ổn định.

Các thông số

Hình ảnh/Hiển thị
Kích thước bảng: 27 inch / 68,6 cm
Tỉ lệ kích thước: 16:9
Loại bảng LCD: Công nghệ IPS
Loại đèn nền: Đèn nền LED mini
Khoảng cách điểm ảnh: 0,1554 x 0,1554 mm
Độ sáng: 1000 (SDR), 1400 (HDR) cd/m²
Số màu màn hình: Hỗ trợ màu 1,07 tỉ màu
Gam màu (diễn hình): NTSC 121%*, sRGB 154*, Adobe RGB 99,2%*, REC 709 99,1%*, REC 2020 80,4%*
Gam màu (tối thiểu): DCI-P3: 97,2%*
Tỉ lệ tương phản (thông thường): 1300:1
SmartContrast: Mega Infinity DCR
Thời gian phản hồi (thông thường): 4 ms (Thời gian điểm ảnh chuyển giữa hai mức xám)*
Góc nhìn: 178° (Ngang) / 178° (Dọc), @ C/R > 10
Nâng cao hình ảnh: SmartImage
Độ phân giải tối đa: 3840 x 2160 @ 60 Hz
Khung xem hiệu quả: 596,736 (Ngang) x 335,664 (Dọc)
Tần số quét: HDMI/DP: 30 - 140 kHz (Ngang) / 40 - 60 Hz (Dọc); Thunderbolt 4: 30 - 140 kHz (Ngang) / 23 - 75 Hz (Dọc)
sRGB
Delta E: < 1
Mật độ điểm ảnh: 163 PPI
Chế độ LowBlue
Lớp phủ màn hình hiển thị: Chống chói, 3H, Độ lóa 25%
SmartUniformity: 93 ~ 105%

EasyRead
Đồng bộ thích ứng
HDR: Được chứng nhận DisplayHDR 1400
Khả năng kết nối
Đầu vào tín hiệu: 1 x DisplayPort 1.4, 2 x HDMI 2.0, 1 x Thunderbolt 4 (upstream, dữ liệu, video, PD 90W)
Đầu vào đồng bộ: Đồng bộ riêng rẽ
Âm thanh (Vào/Ra): Đầu ra âm thanh
RJ45: Ethernet LAN lên đến 1G*, Bật máy tính từ xa trong mạng LAN
Đầu ra tín hiệu: Đầu ra Thunderbolt: 1 x Thunderbolt 4 (downstream, dữ liệu, PD 15W)
HDCP: HDMI (HDCP 2.2 / HDCP 1.4), DisplayPort (HDCP 2.2 / HDCP 1.4)
HBR3: Thunderbolt 4
USB downstream: 1 Thunderbolt 4, 4 USB 3.2 (downstream với 1 lần sạc nhanh B.C 1.2)*
USB upstream: 1 Thunderbolt 4

Chuẩn sạc Power Delivery
Chuẩn sạc Thunderbolt Power Delivery: USB PD phiên bản 3.0, 90W (5V/3A, 7V/3A, 9V/3A, 10V/3A, 12V/3A, 15V/3A, 20V/4.5A) + 15W (5V/3A)
Tiện lợi
Loa tích hợp: 3 W x 2
Tương thích "cắm vào và hoạt động": DDC/CI, Mac OS X, sRGB, Windows 10 / 8.1 / 8 / 7

Tiện lợi cho người dùng: SmartImage, Đầu vào, Người dùng, Menu, Bật/tắt nguồn
Ngôn ngữ OSD: Tiếng Bồ Đào Nha Brazil, Tiếng Séc, Tiếng Hà Lan, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Phần Lan, Tiếng Đức, Tiếng Hy Lạp, Tiếng Hungary, Tiếng Ý, Tiếng Nhật Bản, Tiếng Hàn Quốc, Tiếng Bồ Đào Nha, Tiếng Ba Lan, Tiếng Nga, Tiếng Trung giản thể, Tiếng Tây Ban Nha, Tiếng Thụy Điển, Tiếng Trung truyền thống, Tiếng Thổ Nhĩ Kỳ, Ukraina
Tiện lợi khác: Khóa Kensington, Gắn VESA (100x100 mm)
Phần mềm điều khiển: SmartControl
MultiView: PBP (2 thiết bị)

Chân đế
Điều chỉnh độ cao: 130 mm
Pivot: -/+90 độ
Trục xoay: -/+45 độ
Nghiêng: -5/15 độ

Công suất
Chế độ tiết kiệm: 45,1 W (diễn hình)
Nguồn điện: Cài sẵn, AC 100-240 V, 50-60 Hz
Chế độ tắt: Không watt với Công tắc không watt
Chế độ bật: 74,5 W (diễn hình)
Chế độ chờ: 0,3 W (diễn hình)
Chỉ báo đèn LED nguồn: Vận hành - Trắng, Chế độ chờ - Trắng (nhấp nháy)
Lớp nhãn năng lượng: G

Các thông số

Kích thước

Đóng gói, tính theo mm (Rộng x Cao x Sâu): 735 x 423 x 285 mm
Sản phẩm không kèm chân đế (mm): 613 x 369 x 68 mm
Sản phẩm kèm chân đế (chiều cao tối đa): 613 x 515 x 204 mm

Trọng lượng

Sản phẩm với bao bì (kg): 14,46 kg
Sản phẩm kèm chân đế (kg): 9,43 kg
Sản phẩm không kèm chân đế (kg): 7,02 kg

Điều kiện vận hành

Độ cao so với mực nước biển: Hoạt động: +12.000 ft (3.658 m), Không hoạt động: +40.000 ft (12.192 m)
Phạm vi nhiệt độ (vận hành): 0°C đến 40* °C
Độ ẩm tương đối: 20%-80 %
Phạm vi nhiệt độ (bảo quản): -20°C đến 60 °C
MTBF (demo): 70.000 giờ (loại trừ đèn nền)

Tính bền vững

Môi trường và năng lượng: PowerSensor, LightSensor, RoHS
Nhựa tái chế sau sử dụng: 35%
Vật liệu đóng gói có thể tái chế: 100 %
Các chất cụ thể: Không chứa thủy ngân, Vò không chứa PVC / BFR

Tuân thủ quy định và tiêu chuẩn

Chứng nhận tuân thủ quy định: CB, Dấu CE, FCC
Lớp B, ICES-003, cETLus, CU-EAC, EAEU RoHS, SEMKO, TUV Ergo, TUV/GS

Tủ

Bề mặt: Chất liệu
Chân: Đen
Khung mặt trước: Đen
Nắp sau: Đen



* Nhãn hiệu / thương hiệu "IPS" và những bằng phát minh về công nghệ có liên quan thuộc về chủ sở hữu tương ứng của chúng.

* Giá trị thời gian phản hồi bằng SmartResponse

* Độ bao phủ DCI-P3 dựa trên CIE1976

* Vùng màu NTSC dựa trên CIE1976

* Vùng màu sRGB dựa trên CIE1931

* Độ bao phủ Adobe RGB dựa trên CIE1976

* Độ bao phủ Rec 709 dựa trên CIE1976

* Độ bao phủ Rec 2020 dựa trên CIE1976

* Để truyền video qua USB-C, Notebook/thiết bị của bạn phải hỗ trợ chế độ USB-C DP Alt

* Các hoạt động như chia sẻ màn hình, video và âm thanh phát trực tuyến qua Internet có thể ảnh hưởng đến hiệu suất mạng của bạn. Phần cứng, băng thông mạng và hiệu suất mạng sẽ quyết định chất lượng âm thanh và video tổng thể.

* Đối với chức năng sạc và cấp nguồn USB-C, Notebook / thiết bị của bạn phải hỗ trợ thông số kỹ thuật Chuẩn sạc USB-C Power Delivery. Vui lòng kiểm tra hướng dẫn sử dụng Notebook của bạn hoặc hỏi ý kiến nhà sản xuất Notebook của bạn để biết thêm chi tiết.

* Nếu kết nối Ethernet của bạn có vẻ chậm, vui lòng vào menu OSD và chọn USB 3.0 hoặc phiên bản cao hơn có thể hỗ trợ tốc độ mạng LAN lên 1G.

* Với SDR (Dải động tiêu chuẩn), phạm vi nhiệt độ khi hoạt động có thể đạt tới 40°C.

* Màn hình có thể trông khác với hình ảnh minh họa.